TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/DS-PT
Ngày 20 - 3 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 142/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960

Địa chỉ cư trú: khu phố X, phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1957 là người đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 31/5/2013)

Địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Tấn T - Văn phòng Luật sư Võ Tấn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Minh H1, sinh năm: 1949

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã HL, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hoàng V – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hoàng V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị S, sinh năm: 1952

2. Ông Đặng Minh T1, sinh năm: 1980

3. Ông Đặng Minh T4, sinh năm: 1985

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã HL, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Minh T1 và ông Đặng Minh T4: Ông Đặng Minh H1, sinh năm: 1949 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 08/8/2017 và ngày 14/8/2017)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã HL, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Nguyễn Thành T5, sinh năm: 1972

5. Bà Đặng Thị Thanh T2, sinh năm: 1975

6. Bà Đặng Thanh T3, sinh năm: 1983

7. Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1999

8. Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm: 1999

Cùng địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông T5, bà T2, bà T3, chị Kim A, chị Vân A: Ông Đặng Minh H1, sinh năm: 1949 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018 và ngày 19/3/2018)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã HL, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Tấn P, ông Đặng Minh H1.

(Ông P, ông H1, bà S, Luật sư Võ Tấn T, Luật sư Nguyễn Hoàng V có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/4/2015, bản tự khai, các biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre của ông Nguyễn Thanh D là cha ruột bà Nguyễn Thị H. Phần đất này giáp với phần đất thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre của ông Phan Thành Đ. Theo biên bản xác định ranh đất và hồ sơ kỹ thuật lập ngày 29/8/1996, hiện trạng ranh đất giữa thửa số 84 và thửa số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến

Tre từ ông Đ thì ông H1 đã phá bỏ hàng rào cây xanh và xây dựng hàng rào lưới B40. Do không biết hàng rào của ông H1 xây lấn phần đất của ông D nên ông D không tranh chấp. Khoảng 06 tháng, sau khi ông H1 xây hàng rào và nhà tắm thì ông D có yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BT đo đạc lại phần đất thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì phát hiện hàng rào và nhà tắm ông H1 xây lấn qua phần đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; do đó ông D làm đơn tranh chấp với ông H1 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Năm 2012, ông Nguyễn Thành D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H và bà H khởi kiện tại Tòa án. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01083 ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị H thì phần đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có diện tích là 285 m^2. Theo hồ sơ đo đạc ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì phần đất bà H sử dụng có diện tích 277,5 m^2 do ông Đặng Minh H1 đã sử dụng lấn sang là 7,5 m^2.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Đặng Minh H1 trả lại phần đất đã lấn có diện tích là 7,5 m^2. Bà H đồng ý trả lại phần chi phí san lấp cát khối lượng là 3,5 m^3, giá trị hàng rào lưới B40 và nhà tắm cho ông H1 theo biên bản định giá của Hội đồng định giá thành phố BT, tỉnh Bến Tre ngày 13/12/2016; không đồng ý trả giá trị nhà tiền chế vì con của ông H1 xây dựng trong thời gian tranh chấp.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Minh H1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre là ông nhận chuyển nhượng từ ông Phan Thành Đ vào năm 2001, có diện tích là 184,8 m^2, chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất. Ranh đất khi ông nhận chuyển nhượng đất là hàng rào cây xanh. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông xây dựng hàng rào B40 và nhà tắm, có sự chứng kiến của ông D. Trong quá trình sử dụng đất, phần đất của ông bị giải tỏa một phần nhưng ông không nhớ diện tích bị giải tỏa là bao nhiêu. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H không đồng ý vì ông chỉ sử dụng đất đúng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 255, 256, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 50, 105, 135 và Điều 136 của Luật đất đai năm 2003; Điều 27 của Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với hộ ông Đặng Minh H1.

Buộc hộ ông Đặng Minh H1 (gồm có: ông Đặng Minh H1, bà Phan Thị S, ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4) trả giá trị bằng tiền với số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với phần đất đã lấn thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có diện tích là 7,5 m^2; hộ ông Đặng Minh H1 được trọn quyền sử dụng đất phần đất này (có họa đồ kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, ông Đặng Minh H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Tấn P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể không đồng ý nhận giá trị bằng tiền đối với diện tích đất ông H1 lấn chiếm mà yêu cầu hộ ông H1 tháo dỡ, di dời hàng rào và tài sản trên đất trả lại cho nguyên đơn diện tích 7,5 m^2 thuộc một phần thửa đất số 84, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường Y, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày nội dung tranh luận: Theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thì bản án sơ thẩm đã xác định hộ ông Đặng Minh H1 có lấn qua đất của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm tuyên bị đơn trả lại đất cho bà H bằng giá trị là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H vì tại phiên tòa sơ thẩm phía bà H đã hứa bồi thường đầy đủ về giá trị hàng rào và nhà tắm lấn chiếm qua đất nếu

như ông H1 chịu tháo dỡ. Giá trị phần hàng rào và nhà tắm là nhỏ hơn nhiều so với giá trị đất. Tòa sơ thẩm không tuyên buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào là không thuyết phục. Ông H1 xây dựng mái che tiền chế làm đổ nước mưa qua nhà bà H là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà H vì nhà bà H đang phơi dừa. Đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giá trị hàng rào và tiền san lấp mặt bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung tranh luận: Phần đất mà ông H1 mua của ông Đ sử dụng từ trước đến nay (trừ ra phần giải tỏa) đều không thay đổi. Tuy nhiên, sau khi đo đạc thì diện tích đất mà bị đơn sử dụng là nhỏ hơn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vậy không có căn cứ nào thể hiện ông H1 lấn đất của bà H. Ông P cho rằng vào năm 2012 thì giữa ông D và ông H1 có tranh chấp là không đúng vì vào năm 2012 thì ông D còn chuyển quyền sử dụng đất cho bà H thì có thể khẳng định rằng phần đất đó vào năm 2012 chưa có tranh chấp. Hơn nữa, khi ông D chuyển quyền sử dụng đất cho bà H thì ông H1 không có ký hiệp thương ranh. Hàng rào đã được ông H1 xây dựng từ mới mua đất, nhà tắm thì cũng xây dựng từ lâu mà nguyên đơn không có ý kiến, về phần nhà tiền chế có đổ nước qua nhà bà H thì gia đình bị đơn sẽ khắc phục. Khi mua hai bên đã chấp nhận hiện trạng. Đến năm 2013, khi ông D chuyển quyền sử dụng sang bà H mới tranh chấp. Thực tế thì diện tích đất mà ông H1 và bà H sử dụng đều thiếu so với giấy chứng nhận vì vậy không có căn cứ thể hiện ông H1 lấn đất của bà H. Việc lệch diện tích đất là từ đời trước chứ không phải gần đây. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H1, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H và theo Công văn số 47, ngày 20/01/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BT thì phần đất bà H sử dụng bị thiếu 7,5 m^2. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H1 tại thửa 85, có diện tích 184,8 m^2. Vào năm 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã thu hồi một phần thửa 85 với diện tích 28,41 m^2 để làm vỉa hè thuộc quốc lộ 60. Như vậy, thửa đất của ông H1 còn lại 156,39 m^2 nhưng qua đo đạc thực tế ông H1 sử dụng diện tích 158,1 m^2 (theo họa đồ hiện trạng sử dụng lập ngày 14/6/2017). Cũng theo họa đồ này thì phần đất tranh chấp là 7,5 m^2 nằm hoàn toàn trong thửa 84 thuộc quyền sử

dụng đất của bà H. Từ những phân tích trên, có cơ sở khẳng định ông H1 sử dụng đất có lấn ranh đất của bà H như án sơ thẩm đã tuyên. Tuy ông H1 có xây dựng hàng rào và nhà tắm lấn qua đất bà H nhưng diện tích lấn chiếm không lớn, không ảnh hưởng nhiều đến quyền sử dụng đất của bà H. Nếu tháo dỡ công trình phụ này sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của bị đơn nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn bằng giá trị là phù hợp. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P và ông Đặng Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P, ông Đặng Minh H1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích thực tế là 7,5 m^2 thuộc một phần thửa 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc thửa đất số 84 là của cha mẹ bà H vào năm 2010, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào năm 2012 với diện tích 285 m^2. Giáp ranh đất bà H là thửa đất số 85 của ông Đặng Minh H1 nhận chuyển nhượng của ông Phan Thành Đ vào năm 2001. Hai bên thống nhất ranh đất trước đây là hàng rào cây xanh. Tuy nhiên, phía nguyên đơn cho rằng từ khi ông H1 về phần đất thì phá bỏ hàng cây xanh mà xây dựng lại hàng rào lưới B40 và xây nhà tắm lấn qua thửa đất số 85 nên hai bên tranh chấp từ năm 2012. Phía bị đơn cho rằng ông không có lấn đất bà H, ông xây dựng hàng rào lưới B40 ngay vị trí hàng cây xanh, khi xây dựng ông D là cha bà H có chứng kiến nên ông H1 không đồng ý trả đất cho bà H.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01083 ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến tre cấp cho bà Nguyễn Thị H và Công văn số: 47/CNVPĐKĐĐTP ngày 20/01/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì phần đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có diện tích 285 m^2. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ đo đạc ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì phần đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre của bà Nguyễn Thị H có diện tích 277,5 m^2. Như vậy, trên thực tế phần đất bà H sử dụng còn thiếu là 7,5 m^2. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 564 QSDĐ/4835/QĐ-UB ngày 29/10/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thì phần đất thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại

phường Y, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre và Công văn số 47/CNVPĐLĐĐTP ngày 20/01/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì phần đất thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có diện tích là 184,8 m^2. Ngày 05/3/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số: 722/QĐ-UB về việc xây dựng công trình hệ thống vỉa hè, thoát nước dọc, cây xanh, chiếu sáng quốc lộ 60 thì thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre bị thu hồi diện tích là 28,41 m^2. Như vậy, phần đất thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre còn lại diện tích là 156,39 m^2. Căn cứ vào hồ sơ đo đạc ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì phần đất của ông Đặng Minh H1 gồm các thửa: thửa đất số 85, có diện tích 150,2 m^2, thửa E có diện tích là 6,5 m^2, thửa C có diện tích là 1,4 m^2, tổng cộng là 158,1 m^2, dư so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng theo họa đồ ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì phần đất thuộc thửa F, có diện tích 7,5 m^2 nằm trên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H. Từ đó có cơ sở xác định ông H1 có lấn ranh đất của bà H, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

[3] Hiện nay, trên phần đất tranh chấp ông H1 đã san lấp cát, xây hàng rào lưới B40, nhà tắm và nhà tiền chế. Thấy rằng, những công trình kiến trúc lấn qua đất bà H nhưng diện tích lấn chiếm không lớn, không ảnh hưởng nhiều đến quyền sử dụng đất của bà H. Nếu buộc bị đơn tháo dỡ, di dời các công trình này sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt của gia đình bị đơn nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn bằng giá trị là phù hợp. Ghi nhận về việc bị đơn sẽ khắc phục sửa lại phần nhà tiền chế không để đổ nước qua đất nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng việc Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Đặng Minh H1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 7,5 m^2, buộc hộ ông Đặng Minh H1 trả giá trị bằng tiền với số tiền 30.000.000 đồng đối với phần đất đã lấn của bà Nguyễn Thị H là phù hợp. Ông Đặng Minh H1 và ông Nguyễn Tấn P kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Minh H1, bà Phan Thị S, ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4 phải liên đới chịu số tiền 5% x 30.000.000 đồng = 1.500.000 đồng. Nhưng theo Nghị quyết 326/2016/QH14, ông H1, bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông Đặng Minh T1 và ông Đặng Minh T4 phải liên đới nộp số tiền 750.000 đồng.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn P và ông Đặng Minh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng theo Nghị quyết 326/2016/QH14, ông P và ông H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P và ông Đặng Minh H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào khoản 9 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 255, 256, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 50, 105, 135 và Điều 136 của Luật đất đai năm 2003; Điều 27 của Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với hộ ông Đặng Minh H1 (gồm có: ông Đặng Minh H1, bà Phan Thị S, ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4) về việc yêu cầu hộ ông Đặng Minh H1 trả lại phần đất có diện tích là 7,5 m^2, thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Buộc hộ ông Đặng Minh H1 (gồm có: ông Đặng Minh H1, bà Phan Thị S, ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4) trả giá trị bằng tiền với số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với phần đất đã lấn thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại phường Y, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre có diện tích là 7,5 m^2; hộ ông Đặng Minh H1 được trọn quyền sử dụng đất phần đất này (có họa đồ kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận về việc hộ ông Đặng Minh H1(gồm có: ông Đặng Minh H1, bà Phan Thị S, ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4) sẽ khắc phục sửa lại phần nhà tiền chế không để đổ nước qua đất bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4 phải liên đới nộp số tiền 750.000 đồng (bảy trăm, năm mười nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 990.000 đồng (chín trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000266 ngày 05 thàng 6 năm 2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Chi phí thu thập chứng cứ là 6.766.800 đồng (sáu triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm đồng), hộ ông Đặng Minh H1 (gồm có: ông Đặng Minh H1, bà Phan Thị S, ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4) phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 3.346.800 đồng (ba triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm đồng). Ông Đặng Minh H1 còn phải chịu 3.420.000 đồng (ba triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng do ông Nguyễn Tấn P đã nộp xong số tiền 3.420.000 đồng (ba triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) nên ông hộ ông Đặng Minh H1 (gồm có: ông Đặng Minh H1, bà Phan Thị S, ông Đặng Minh T1, ông Đặng Minh T4) có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tấn P số tiền 3.420.000 đồng (ba triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tấn P được miễn án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Nguyễn Tấn P số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011449 ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Đặng Minh H1 được miễn án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Đặng Minh H1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014114 ngày 08 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố BT;
- Chi cục THADS thành phố BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy